

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày tháng 8 năm 2026

ĐỀ ÁN

Sáp nhập 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, để thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên

*(Kèm theo Tờ trình số **3903** /TTr-SGDĐT ngày **31** tháng 8 năm 2026 của của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CỦA CÁC TRUNG TÂM TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

I. CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Toàn tỉnh Điện Biên hiện có 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, được thành lập theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở tổ chức lại các trung tâm cấp huyện trước đây khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Thực trạng tổ chức và hoạt động của từng Trung tâm như sau:

A. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN 1

1. Thông tin chung

- Tên Trung tâm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vocational and Continuing Education Center 1.
- Thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Trụ sở chính: Tổ dân phố Nậm Rốm, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
- Số điện thoại: (0215) 3735 531
- Email: gdnng-gdtx1@dienbien.edu.vn
- Trang thông tin điện tử: www.gdnng-gdtx1.dienbien.edu.vn.
- Fanpage Facebook: fb.com/gdnng.gdtx1.dienbien.

- Quyết định thành lập: Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên: Không có.

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định thành lập đồng thời là quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo chú thích Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông; xóa mù chữ; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống; liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trung tâm được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và huyện Điện Biên Đông (theo địa giới hành chính trước ngày 01/7/2025). Đây là Trung tâm có quy mô lớn nhất trong 04 Trung tâm, cả về số học viên, số lớp đào tạo nghề và số người làm việc; địa bàn phụ trách gồm 16 xã, phường với dân số 275.958 người.

Trung tâm hiện tổ chức hoạt động tại 03 cơ sở: phường Điện Biên Phủ; xã Na Son; phường Mường Thanh.

3. Tổ chức bộ máy

Trung tâm có Ban Giám đốc gồm 08 người (01 Giám đốc, 07 Phó Giám đốc) và 04 tổ chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng người làm việc được giao 76 người, hiện có 68 viên chức; ngoài ra có 05 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động hiện có của Trung tâm là 73 người, gồm 08 cán bộ quản lý, 46 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên, 05 giáo viên giáo dục nghề nghiệp và 14 nhân viên. Trình độ đội ngũ cơ bản đạt chuẩn theo quy định; chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Đề án này.

4. Kết quả hoạt động của Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm duy trì 24 lớp với 858 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; năm 2026 tổ chức 17 lớp đào tạo nghề cho 595 người, trong đó 455 người đã tốt nghiệp; kinh phí đào tạo nghề được giao 2.063,000 triệu đồng, đã giải ngân 542,000 triệu đồng, đạt 26,3%. Trung tâm cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tỷ lệ học viên tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt yêu cầu.

5. Số lượng người học tại Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm có 858 học viên học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (lớp 10: 286 học viên; lớp 11: 335 học viên; lớp 12: 237 học viên). Trong tổng số học viên có 05 học viên khuyết tật, 183 học viên trên 18 tuổi và 94 học viên bỏ học. Đào tạo nghề: Năm 2026 Trung tâm đào tạo cho 595 người tại 17 lớp; chi tiết tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo Đề án.

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Trung tâm hiện quản lý, sử dụng 21 phòng học (100% kiên cố), 02 thư viện, 03 phòng máy tính, 03 phòng học khác; toàn bộ diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc và trang thiết bị được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; không có các khoản vay, nợ phải trả quá hạn. Số liệu tài chính, tài sản cụ thể được xác nhận theo báo cáo quyết toán và biên bản kiểm kê tại thời điểm bàn giao.

B. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN 2

1. Thông tin chung

- Tên Trung tâm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
- 2.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vocational and Continuing Education Center 2.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đồng Tâm, xã Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên.
- Số điện thoại: (0215) 3862012; Fax: Không có.
- Website: gdnngdtx2.dienbien.edu.vn.
- Email: ttgdnngdtx.tg@dienbien.gov.vn.
- Quyết định thành lập: Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên: Không có.
- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định thành lập đồng thời là quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo chú thích Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông; xóa mù chữ; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống; liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trung tâm được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc địa bàn huyện Tuần Giáo, huyện Tủa Chùa

và huyện Mường Ảng (theo địa giới hành chính trước ngày 01/7/2025); địa bàn phụ trách gồm 13 xã, phường với dân số 202.221 người.

Trung tâm hiện tổ chức hoạt động tại 03 cơ sở: xã Tuần Giáo; xã Tủa Chùa; xã Mường Ảng.

3. Tổ chức bộ máy

Trung tâm có Ban Giám đốc gồm 06 người (01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc) và 04 tổ chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng người làm việc được giao 44 người, hiện có 38 viên chức; ngoài ra có 04 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động hiện có của Trung tâm là 42 người, gồm 06 cán bộ quản lý, 13 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên, 14 giáo viên giáo dục nghề nghiệp và 09 nhân viên. Trình độ đội ngũ cơ bản đạt chuẩn theo quy định; chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Đề án này.

4. Kết quả hoạt động của Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm duy trì 15 lớp với 595 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; năm 2026 tổ chức 13 lớp đào tạo nghề cho 251 người; kinh phí đào tạo nghề được giao 850,805 triệu đồng, đã giải ngân 298,750 triệu đồng, đạt 35,1%. Các lớp đào tạo nghề đang trong quá trình tổ chức, chưa có học viên tốt nghiệp tại thời điểm báo cáo.

5. Số lượng người học tại Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm có 595 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (lớp 10: 305 học viên; lớp 11: 207 học viên; lớp 12: 83 học viên). Trong tổng số học viên có 03 học viên khuyết tật, 34 học viên trên 18 tuổi và 60 học viên bỏ học. Về đào tạo nghề, năm 2026 Trung tâm đào tạo cho 251 người tại 13 lớp; chi tiết tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo Đề án này.

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Trung tâm hiện quản lý, sử dụng 21 phòng học (100% kiên cố), 03 thư viện, 03 phòng máy tính, 01 phòng học khác; toàn bộ diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc và trang thiết bị được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; không có các khoản vay, nợ phải trả quá hạn. Số liệu tài chính, tài sản cụ thể được xác nhận theo báo cáo quyết toán và biên bản kiểm kê tại thời điểm bàn giao.

C. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN 3

1. Thông tin chung

Tên Trung tâm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 3.

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vocational and Continuing Education Center 3.

- Thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lê Duẩn, Tổ dân phố 02, phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số điện thoại: 02153842370; Fax: Không có.
- Website: không có; Email: trungtamgdn.gdtxmc@gmail.com.
- Quyết định thành lập: Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên: Không có.
- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định thành lập đồng thời là quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo chú thích Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông; xóa mù chữ; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống; liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trung tâm được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc địa bàn thị xã Mường Lay, huyện Mường Chà và huyện Nậm Pồ (theo địa giới hành chính trước ngày 01/7/2025); địa bàn phụ trách gồm 07 xã, phường với dân số 84.096 người. Trụ sở hiện đặt tại phường Mường Lay, không nằm ở vị trí trung tâm của địa bàn phụ trách.

Trung tâm hiện tổ chức hoạt động tại 02 cơ sở: xã Na Sang; phường Mường Lay.

3. Tổ chức bộ máy

Trung tâm có Ban Giám đốc gồm 05 người (01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc) và 02 tổ chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng người làm việc được giao 19 người, hiện có 19 viên chức; ngoài ra có 02 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động hiện có của Trung tâm là 21 người, gồm 05 cán bộ quản lý, 06 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên, 04 giáo viên giáo dục nghề nghiệp và 06 nhân viên. Trình độ đội ngũ cơ bản đạt chuẩn theo quy định; chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Đề án này.

4. Kết quả hoạt động của Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm duy trì 08 lớp với 202 học viên (16 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và 186 học viên cấp trung học phổ thông); năm 2026 tổ chức 12 lớp đào tạo nghề cho 401 người, toàn bộ đã

tốt nghiệp; kinh phí đào tạo nghề được giao 1.721,360 triệu đồng, đã giải ngân 785,210 triệu đồng, đạt 45,6%.

5. Số lượng người học tại Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm có 08 lớp với 202 học viên, trong đó 16 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và 186 học viên cấp trung học phổ thông (lớp 10: 95 học viên; lớp 11: 59 học viên; lớp 12: 32 học viên). Trong tổng số học viên có 02 học viên khuyết tật, 71 học viên trên 18 tuổi và 44 học viên bỏ học. Về đào tạo nghề, năm 2026 Trung tâm đào tạo cho 401 người tại 12 lớp; chi tiết tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo Đề án này.

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Trung tâm hiện quản lý, sử dụng 14 phòng học (100% kiên cố), 01 thư viện, 02 phòng máy tính, 00 phòng học khác; toàn bộ diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc và trang thiết bị được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; không có các khoản vay, nợ phải trả quá hạn. Số liệu tài chính, tài sản cụ thể được xác nhận theo báo cáo quyết toán và biên bản kiểm kê tại thời điểm bàn giao.

D. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN 4

1. Thông tin chung

- Tên Trung tâm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 4.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vocational and Continuing Education Center 4.
- Thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân cư số 3, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
- Số điện thoại: 0215850498; Fax: Không có.
- Website: Không có; Email: gdtxm@gmail.com.
- Quyết định thành lập: Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên: Không có.
- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định thành lập đồng thời là quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo chú thích Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
- Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông; xóa mù chữ; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống; liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trung tâm được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc địa bàn huyện Mường Nhé, huyện Nậm Pồ và xã Mường Chà thuộc huyện Mường Chà (theo địa giới hành chính trước ngày 01/7/2025); địa bàn phụ trách gồm 09 xã, phường vùng biên giới với dân số 106.098 người, là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhất tỉnh.

Trung tâm hiện tổ chức hoạt động tại 02 cơ sở: xã Mường Nhé; xã Nà Hỳ.

3. Tổ chức bộ máy

Trung tâm có Ban Giám đốc gồm 03 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc) và 02 tổ chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng người làm việc được giao 22 người, hiện có 19 viên chức; ngoài ra có 03 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động hiện có của Trung tâm là 22 người, gồm 03 cán bộ quản lý, 05 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên, 07 giáo viên giáo dục nghề nghiệp và 07 nhân viên. Trình độ đội ngũ cơ bản đạt chuẩn theo quy định; chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Đề án này.

4. Kết quả hoạt động của Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm duy trì 08 lớp với 222 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; năm 2026 tổ chức 06 lớp đào tạo nghề cho 210 người; kinh phí đào tạo nghề được giao 928,900 triệu đồng, đã giải ngân 668,843 triệu đồng, đạt 72,0% - tỷ lệ giải ngân cao nhất trong 04 Trung tâm.

5. Số lượng người học tại Trung tâm

Năm học 2025-2026, Trung tâm có 08 lớp với 222 học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (lớp 10: 95 học viên; lớp 11: 77 học viên; lớp 12: 50 học viên). Trong tổng số học viên có 02 học viên khuyết tật, 60 học viên trên 18 tuổi và 45 học viên bỏ học. Về đào tạo nghề, năm 2026 Trung tâm đào tạo cho 210 người tại 06 lớp; chi tiết tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo Đề án này.

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Trung tâm hiện quản lý, sử dụng 10 phòng học (100% kiên cố), 01 thư viện, 01 phòng máy tính, 00 phòng học khác và 01 phòng thí nghiệm; toàn bộ diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc và trang thiết bị được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; không có các khoản vay, nợ phải trả quá hạn. Số liệu tài chính, tài sản cụ thể được xác nhận theo báo cáo quyết toán và biên bản kiểm kê tại thời điểm bàn giao.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

a) Việc thành lập 04 Trung tâm khu vực theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã bước đầu khắc phục tình trạng manh mún của mạng lưới trung tâm cấp huyện trước đây, bảo đảm hoạt động liên tục, không gián đoạn khi chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

b) Mạng lưới 10 cơ sở hiện có phủ kín 45/45 xã, phường của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tiếp cận dịch vụ giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề. Toàn bộ 66 phòng học đều là phòng kiên cố.

c) Quy mô người học được duy trì ổn định với 1.877 học viên giáo dục thường xuyên tại 55 lớp và 1.457 người học nghề tại 48 lớp trong năm 2026 (trong đó có 243 học viên giáo dục thường xuyên bỏ học, chiếm 12,9%); đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động hiện có 158 người (gồm 144 viên chức và 14 lao động hợp đồng), cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

d) Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai đồng bộ; tổng kinh phí giao năm 2026 là 5.564,065 triệu đồng, đã giải ngân 2.294,803 triệu đồng.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a) Bộ máy còn cồng kềnh, nhiều đầu mối. 04 Trung tâm với 04 Giám đốc, 18 Phó Giám đốc, 12 tổ chuyên môn, nghiệp vụ, 04 bộ phận hành chính - kế toán độc lập, 04 con dấu và 04 tài khoản riêng, trong khi tổng quy mô người học của cả 04 Trung tâm chỉ tương đương một trường trung học phổ thông quy mô trung bình. Số lượng cấp phó bình quân 4,5 người/Trung tâm, vượt quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ.

b) Quy mô của từng Trung tâm không đồng đều; hai Trung tâm không đủ điều kiện tổ chức đầy đủ các tổ chuyên môn, nghiệp vụ. Trung tâm GDNN-GDTX 3 hiện có 21 người, Trung tâm GDNN-GDTX 4 hiện có 22 người, trong khi Trung tâm GDNN-GDTX 1 có 73 người; quy mô học viên chênh lệch từ 202 học viên đến 858 học viên. Hai Trung tâm 3 và 4 chỉ tổ chức được 02 tổ chuyên môn, không đủ điều kiện thành lập tổ Hành chính - Tổng hợp theo điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

c) Trụ sở của Trung tâm GDNN-GDTX 3 đặt tại phường Mường Lay - vị trí lệch về phía Bắc của địa bàn phụ trách, cách xa cơ sở tại xã Na Sang là nơi tập trung phần lớn học viên (151/202 học viên, chiếm 74,8%), gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành.

d) Đội ngũ mất cân đối cục bộ và sử dụng chưa hiệu quả. Giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên phân bố không đều giữa các Trung tâm (Trung tâm 1 có 46 giáo viên, Trung tâm 2 có 13 giáo viên, Trung tâm 3 chỉ có 06 giáo viên, Trung tâm 4 chỉ có 05 giáo viên); nhiều môn học chỉ có 01 giáo viên hoặc không có giáo viên, phải hợp đồng thỉnh giảng hoặc bố trí dạy liên trường. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp cũng phân bố không đều (Trung tâm 1 có 05, Trung tâm 2 có 14, Trung tâm 3 có 04 và Trung tâm 4 có 07 giáo viên), khó điều tiết giữa các địa bàn do mỗi Trung tâm là một đơn vị độc lập.

đ) Hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất thấp. Bình quân mỗi phòng học chỉ phục vụ 28,4 học viên; một số cơ sở gần như không tổ chức lớp giáo dục thường xuyên (cơ sở tại phường Mường Thanh không có học viên; cơ sở tại xã Nà Hỳ chỉ có 19 học viên).

e) Tỷ lệ giải ngân kinh phí đào tạo nghề đạt thấp và không đồng đều giữa các Trung tâm (từ 26,3% đến 72,0%, bình quân 41,2% tại thời điểm báo cáo), phản ánh năng lực tổ chức thực hiện và điều hành nguồn lực chưa đồng bộ; việc điều tiết chỉ tiêu, kinh phí giữa các Trung tâm khó thực hiện do mỗi Trung tâm là một đơn vị dự toán độc lập.

g) Chưa hình thành được đơn vị đủ mạnh về quy mô, đội ngũ và cơ sở vật chất để đáp ứng điều kiện thành lập trường trung học nghề theo định hướng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC SÁP NHẬP

1. Sự cần thiết

Thứ nhất, sáp nhập là yêu cầu bắt buộc để thực hiện chủ trương của Trung ương và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 và Công văn số 814/TTg-KGVX ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu giảm tối thiểu 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập so với thời điểm ngày 01/7/2025, nơi có điều kiện thuận lợi giảm khoảng 50%, hoàn thành trước ngày 30/8/2026. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương tại Thông báo số 574-TB/TU ngày 17/8/2026, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 phê duyệt Phương án sắp xếp tổng thể các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định hợp nhất 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực thành một Trung tâm cấp tỉnh theo mô hình trụ sở chính - phân hiệu.

Thứ hai, hiện trạng tổ chức bộ máy của 04 Trung tâm không còn phù hợp với quy định mới. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm số lượng người làm việc tối thiểu được giao là 15 người, mỗi tổ thuộc đơn vị phải có từ 02 mảng công tác trở lên và từ 07 người làm việc trở lên; đơn vị thuộc sở được bố trí không quá 02 cấp phó. Đối chiếu quy định này, việc duy trì 04 Trung tâm với 18 Phó Giám đốc và 12 tổ chuyên môn là không phù hợp; điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP xác định đây thuộc trường hợp phải tổ chức lại.

Thứ ba, sáp nhập là giải pháp căn cơ để khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực. Việc hình thành một đầu mối thống nhất cho phép điều tiết giáo viên giữa các địa bàn, tổ chức dạy học trực tuyến và dạy liên phân hiệu đối với các môn thiếu giáo viên, dùng chung phòng học bộ môn, thiết bị và học liệu, điều chuyển chỉ tiêu và

kinh phí đào tạo nghề từ nơi giải ngân chậm sang nơi có nhu cầu, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng biên chế và ngân sách.

Thứ tư, sáp nhập tạo tiền đề để phát triển thành trường trung học nghề. Một Trung tâm cấp tỉnh với 158 người, 56 phòng học kiên cố tại 08 cơ sở, 1.877 học viên giáo dục thường xuyên và quy mô đào tạo nghề trên 4.000 người/năm là cơ sở để tích lũy đủ điều kiện thành lập trường trung học nghề khi đáp ứng tiêu chí theo quy định, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

Thứ năm, sáp nhập không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người học và người lao động. Toàn tỉnh hiện có 10 cơ sở, trong đó 08 cơ sở tiếp tục hoạt động dưới hình thức trụ sở chính, phân hiệu và địa điểm thực hành; 1.807 học viên tiếp tục học tại địa điểm hiện nay, 70 học viên tại 02 cơ sở không tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục được bố trí học tại phân hiệu, bảo đảm chỗ ở nội trú và đầy đủ chế độ, chính sách; 158 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động được bố trí đầy đủ, không giảm giáo viên trực tiếp giảng dạy.

2. Cơ sở pháp lý

a) Văn bản của Đảng

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Kế hoạch số 252-KH/TU ngày 03/10/2025 của Tỉnh ủy Điện Biên về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Thông báo số 559-TB/TU ngày 24/4/2026 của Thường trực Tỉnh ủy Điện Biên về sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 574-TB/TU ngày 17/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về chủ trương đối với Phương án sắp xếp tổng thể cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Luật

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Nhà giáo năm 2025; Luật Viên chức số 129/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

c) Nghị định, nghị quyết của Chính phủ

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28/7/2026, thay thế Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 283/2025/NĐ-CP).

Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025); Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức.

Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 và Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo

Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 và Công văn số 814/TTg-KGVX ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp đối với giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 và Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5749/BGDĐT-GDNNGD TX ngày 25/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập sau sắp xếp.

đ) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt Phương án sắp xếp tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3617/KH-UBND

ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Phương án sắp xếp tổng thể các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 5088/STC-QLNS ngày 22/7/2026 của Sở Tài chính hướng dẫn phương án xử lý tài chính khi sắp xếp cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; Công văn số 6179/STC-QLG&CS ngày 25/8/2026 của Sở Tài chính hướng dẫn xử lý tài sản công khi sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Nguyên tắc sáp nhập

a) Bảo đảm đúng thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP và Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; đúng chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Không làm gián đoạn hoạt động dạy học, đào tạo nghề và các hoạt động thường xuyên; bảo đảm liên tục, thông suốt trong quản lý, điều hành từ thời điểm quyết định sáp nhập có hiệu lực đến khi ổn định tổ chức.

c) Giữ nguyên quy mô lớp, học viên và địa điểm học tập; bảo đảm đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

d) Bàn giao nguyên trạng toàn bộ tài chính, tài sản, đất đai, hồ sơ, sổ sách; không làm thất thoát, lãng phí tài sản công.

đ) Không làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

e) Bố trí bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo mô hình trụ sở chính - phân hiệu; số lượng cấp phó thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP.

II. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

1. Phạm vi, đối tượng sáp nhập

Sáp nhập toàn bộ 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên (Trung tâm GDNN-GDTX 1, Trung tâm GDNN-GDTX 2, Trung tâm GDNN-GDTX 3, Trung tâm GDNN-GDTX 4) thành 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đối tượng chịu tác động gồm: 158 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động của 04 Trung tâm (gồm 144 viên chức và 14 lao động hợp đồng); 1.877 học viên giáo dục thường xuyên; toàn bộ tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị của 04 Trung tâm tại 10 cơ sở hiện có (chi tiết tại mục I Phần thứ nhất và Phụ lục 01 kèm theo Đề án).

Sau khi sáp nhập, 04 Trung tâm nêu trên chấm dứt hoạt động; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và các hoạt động hợp pháp của 04 Trung tâm.

2. Phương án sáp nhập

Mô hình tổ chức: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên có 01 trụ sở chính và 03 phân hiệu. Ngoài ra, Trung tâm duy trì 04 địa điểm thực hành trực thuộc trụ sở chính và các phân hiệu. Địa điểm thực hành không phải là đơn vị thuộc cơ sở giáo dục như phân hiệu; không có tổ chức bộ máy, con dấu, tài khoản và nhân sự lãnh đạo riêng, chỉ là nơi tổ chức lớp học và hoạt động thực hành do trụ sở chính hoặc phân hiệu trực tiếp quản lý, điều hành. Cụ thể:

- Trụ sở chính đặt tại phường Điện Biên Phủ (trên cơ sở trụ sở Trung tâm GDNN-GDTX 1 hiện nay); quản lý Địa điểm thực hành Na Son và Địa điểm thực hành Mường Thanh.

- Phân hiệu Tuần Giáo (đặt tại xã Tuần Giáo, trên cơ sở Trung tâm GDNN-GDTX 2 hiện nay); quản lý Địa điểm thực hành Tòa Chùa và Địa điểm thực hành Mường Ảng. Địa điểm thực hành Tòa Chùa tiếp tục được duy trì để tổ chức các lớp giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề phục vụ Nhân dân xã Tòa Chùa và các xã lân cận.

- *Phân hiệu Na Sang đặt tại xã Na Sang (trên cơ sở Trung tâm GDNN-GDTX 3 hiện nay, chuyển trụ sở từ phường Mường Lay về xã Na Sang - nơi tập trung 151/202 học viên của Trung tâm); cơ sở tại phường Mường Lay không tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục theo Báo cáo số 86/BC-TTGDNN-GDTX3 ngày 11/8/2026 của Trung tâm GDNN-GDTX 3, bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường Mường Lay quản lý, sử dụng; 51 học viên tại cơ sở này được bố trí học tại Phân hiệu Na Sang.*

- *Phân hiệu Mường Nhé đặt tại xã Mường Nhé (trên cơ sở Trung tâm GDNN-GDTX 4 hiện nay); cơ sở tại xã Nà Hỳ không tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục từ năm học 2026-2027 theo Báo cáo số 310/BC-GDNN-GDTX4 ngày 16/7/2026 của Trung tâm GDNN-GDTX 4, bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã Nà Hỳ quản lý, sử dụng; 19 học viên lớp 11B3 tại cơ sở này được bố trí học và ở nội trú tại Phân hiệu Mường Nhé.*

Mô hình này bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP về trụ sở chính và phân hiệu của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giữ nguyên 08/10 địa điểm (trừ địa điểm tại phường Mường Lay và xã Nà Hỳ) phục vụ người học, phủ kín 45/45 xã, phường của tỉnh.

a) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động

- Về cán bộ quản lý: Trung tâm sau sáp nhập bố trí 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc (01 Phó Giám đốc tại trụ sở chính và 01 Phó Giám đốc tại mỗi phân hiệu) theo điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP. So với hiện trạng 04 Giám đốc và 18 Phó Giám đốc, số vị trí lãnh đạo, quản lý giảm 17 người. Việc lựa chọn, bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh và

chỉ đạo tại Công văn số 777/TTg-TCCV; ưu tiên lựa chọn trong số Giám đốc, Phó Giám đốc của 04 Trung tâm hợp thành.

- Số cán bộ quản lý thôi giữ chức vụ được bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, chuyên ngành đào tạo theo điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP; ưu tiên bố trí làm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn hoặc tiếp tục giảng dạy theo chuyên môn đào tạo. Người thôi giữ chức vụ hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP và Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP). Trường hợp có nguyện vọng nghỉ việc thì giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Về đội ngũ giáo viên: giữ nguyên toàn bộ 70 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên và 30 giáo viên giáo dục nghề nghiệp; không giảm giáo viên trực tiếp giảng dạy. Trung tâm điều tiết hợp lý giữa trụ sở chính và các phân hiệu thông qua phân công dạy liên phân hiệu, dạy học trực tuyến đối với các môn thiếu giáo viên; ưu tiên bố trí giáo viên tại địa bàn gần nơi cư trú, hạn chế tối đa việc phải di chuyển xa.

- Về nhân sự hỗ trợ giáo dục: bố trí dùng chung cho toàn Trung tâm 02 kế toán, 01 văn thư - lưu trữ, 01 thủ quỹ và 01 tổ chức cán bộ theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP; bố trí riêng cho trụ sở chính và mỗi phân hiệu các vị trí giáo vụ (04 người) và công nghệ thông tin (04 người) theo điểm b khoản 1 Điều 5; bố trí theo hướng một người đảm nhận một hoặc nhiều vị trí việc làm đối với các vị trí thư viện (02 người), thiết bị - thí nghiệm (02 người), tư vấn học sinh, hướng nghiệp (02 người), y tế trường học (02 người) và hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (01 người) theo điểm c khoản 1 Điều 5. Chi tiết tại Bảng 8 mục VII.3 Phần thứ ba và Phụ lục 07 kèm theo Đề án. Toàn bộ 36 nhân viên, người lao động hiện có (gồm 22 viên chức và 14 lao động hợp đồng) được bố trí vào vị trí việc làm cụ thể theo Bảng 8 mục VII.3 Phần thứ ba và Phụ lục 07 kèm theo Đề án; trường hợp phát sinh chênh lệch thì bố trí kiêm nhiệm hoặc chuyển sang vị trí việc làm khác còn thiếu, chuẩn hóa tại Đề án vị trí việc làm trình phê duyệt trong quý IV/2026; trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới thì giữ mã số, chức danh và hệ số lương đang được hưởng và phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP. Không bố trí vào vị trí y tế trường học, kế toán đối với người không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm. Vị trí hỗ trợ giáo dục người khuyết tật chỉ bố trí đối với người đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định để phục vụ 12 học viên khuyết tật đang theo học; trường hợp chưa có người đáp ứng tiêu chuẩn thì bố trí kiêm nhiệm và cử đi bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn trong thời hạn quy định.

- Về người lao động hợp đồng: 14 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ (Trung tâm GDNN-GDTX 1: 05 người; Trung tâm GDNN-GDTX 2: 04 người; Trung tâm GDNN-GDTX 3: 02 người; Trung tâm GDNN-GDTX 4: 03 người) được Trung

tâm sau sáp nhập tiếp nhận, kế thừa nguyên trạng hợp đồng đã ký; bảo đảm đầy đủ chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định.

- Chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được giữ nguyên theo địa bàn công tác thực tế, không thay đổi do việc sáp nhập.

b) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai

- Nguyên tắc: bàn giao nguyên trạng, không làm thay đổi, thất thoát tài sản, đất đai, trang thiết bị; toàn bộ được kiểm kê, lập biên bản, bàn giao cho Trung tâm sau sáp nhập quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Về tài chính, ngân sách: trong quá trình xây dựng Đề án, 04 Trung tâm lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo đề cơ quan tài chính kiểm tra, xác định kinh phí; đề nghị cơ quan thuế quyết toán các khoản phải nộp (nếu có); kiểm kê số dư các quỹ và nguồn cải cách tiền lương. Sau khi có quyết định sáp nhập, bàn giao đầy đủ, nguyên trạng dự toán, số dư kinh phí, các quỹ, công nợ, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán cho Trung tâm mới; Trung tâm mới tiếp nhận, kế thừa toàn bộ và tổng hợp dự toán chung gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, giao dự toán.

- Về kinh phí đào tạo nghề năm 2026: tổng kinh phí giao 5.564,065 triệu đồng, đã giải ngân 2.294,803 triệu đồng, số còn lại 3.269,262 triệu đồng. Số liệu được rà soát, xác định trên cơ sở báo cáo của các Trung tâm và đối chiếu với Kho bạc Nhà nước. Việc bàn giao thực hiện theo nguyên tắc bàn giao nguyên trạng toàn bộ dự toán (bao gồm cả số đã chi và phần dự toán còn lại) của các Trung tâm trước sáp nhập sang Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên; các lớp đào tạo nghề đang mở tiếp tục được tổ chức đến khi kết thúc, bảo đảm quyền lợi của người học nghề và tiến độ giải ngân theo kế hoạch.

- Về tài sản, đất đai: thực hiện kiểm kê, phân loại, đánh giá và bàn giao tài sản công theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 5088/STC-QLNS ngày 22/7/2026 và Công văn số 6179/STC-QLG&CS ngày 25/8/2026. 08/10 cơ sở tiếp tục được sử dụng làm trụ sở chính, phân hiệu và địa điểm thực hành nên cơ sở vật chất được quản lý, sử dụng nguyên trạng; đất đai, công trình, trang thiết bị tại 08 cơ sở này được điều chuyển cho Trung tâm sau sáp nhập quản lý, sử dụng. Đối với 02 cơ sở tại phường Mường Lay và xã Nà Hỳ, sau khi đã bố trí, sắp xếp thì thực hiện giao, điều chuyển, xử lý theo các hình thức xử lý tài sản công quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp dôi dư, sau khi rà soát, xác định không có cơ quan, đơn vị nào có nhu cầu tiếp nhận sử dụng thì chuyển giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trung tâm rà soát, điều chuyển thiết bị dạy học từ nơi sử dụng chưa hiệu quả về nơi có nhu cầu để nâng cao hiệu suất khai thác.

- Về con dấu, tài khoản: Trung tâm sau sáp nhập khắc con dấu mới, đăng ký mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại theo quy định; 04 con

dầu và 04 tài khoản của các Trung tâm cũ được nộp lại, đóng theo đúng trình tự, thủ tục.

- Về các khoản vay, nợ phải trả: 04 Trung tâm không có khoản vay; các khoản nợ phải thu, phải trả (nếu có) được đối chiếu, xác nhận và bàn giao đầy đủ cho Trung tâm sau sáp nhập kế thừa. Văn bản xác nhận của cơ quan tài chính về tài chính, đất đai, các khoản nợ phải trả được bổ sung vào hồ sơ trước khi trình quyết định sáp nhập.

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học

- Giữ nguyên 55 lớp và 1.877 học viên, không có học viên phải chuyển trường. 1.807 học viên tiếp tục học tại địa điểm hiện nay. Riêng 51 học viên tại cơ sở phường Mường Lay được bố trí học tại Phân hiệu Na Sang (xã Na Sang) và 19 học viên lớp 11B3 tại cơ sở xã Nà Hỳ được bố trí học tại Phân hiệu Mường Nhé (xã Mường Nhé); Trung tâm bảo đảm chỗ ở nội trú, điều kiện đi lại và đầy đủ chế độ, chính sách cho số học viên này. Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục nhà trường, sổ sách, học bạ, kết quả học tập và rèn luyện được kế thừa đầy đủ; Trung tâm sau sáp nhập tiếp nhận, quản lý toàn bộ hồ sơ người học.

- Bảo đảm đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách hỗ trợ học viên là người dân tộc thiểu số, học viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học viên khuyết tật (12 học viên) theo quy định hiện hành; không để học viên bị gián đoạn hoặc giảm sút quyền lợi chính sách do việc sáp nhập.

- Đối với 1.457 người đang học nghề tại 48 lớp năm 2026: các lớp tiếp tục được tổ chức đến khi kết thúc; việc cấp chứng chỉ sơ cấp, chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo do Trung tâm sau sáp nhập thực hiện, kế thừa các quyết định mở lớp đã ban hành.

- Văn bằng, chứng chỉ đã cấp trước khi sáp nhập tiếp tục có giá trị pháp lý; việc chỉnh sửa, cấp lại, cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ do Trung tâm sau sáp nhập thực hiện theo quy định.

d) Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng sáp nhập

- Việc sáp nhập không làm thay đổi chức năng quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp xã theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; không tác động đến các trung tâm học tập cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác trên địa bàn tỉnh.

- Các hợp đồng liên kết đào tạo, hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng thuê khoán, hợp đồng dịch vụ và các cam kết hợp pháp khác mà 04 Trung tâm đã ký kết được Trung tâm sau sáp nhập kế thừa và tiếp tục thực hiện; các bên liên quan được thông báo bằng văn bản về việc thay đổi chủ thể trước khi quyết định sáp nhập có hiệu lực.

- Tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 04 Trung tâm được sắp xếp, kiện toàn theo hướng dẫn của cấp ủy, tổ chức chính trị - xã hội có thẩm quyền, đồng bộ với thời điểm sáp nhập.

- Chỉ tiêu đào tạo nghề giai đoạn 2026-2030 là 28.875 người theo Kế hoạch số 3617/KH-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh được giữ nguyên và giao cho Trung tâm sau sáp nhập tổ chức thực hiện trên phạm vi 45/45 xã, phường.

3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập

Bảng 1. Lộ trình thực hiện việc sáp nhập

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì
1	Xây dựng Đề án, Tờ trình và dự thảo Quyết định sáp nhập; lấy ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của 04 Trung tâm	Trước 25/8/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Trước 27/8/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán; kiểm kê tài sản, đất đai; xác nhận số liệu tài chính đưa vào hồ sơ Đề án	Trước 28/8/2026	04 Trung tâm GDNN-GDTX
4	Thẩm định hồ sơ sáp nhập	Trước 29/8/2026	Sở Nội vụ
5	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sáp nhập	Trước 29/8/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Ban hành Quyết định sáp nhập; công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng	Trước 30/8/2026	Chủ tịch UBND tỉnh
7	Kiện toàn Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán và các vị trí chủ chốt; khắc con dấu, mở tài khoản; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động	Trước 30/9/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Bàn giao tài chính: báo cáo quyết toán, dự toán, sổ dư kinh phí, các quỹ, công nợ, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán; bảo đảm chi trả kịp thời chế độ, chính sách cho người lao động và học viên	Trước 10/9/2026	04 Trung tâm và Trung tâm mới
9	Kiểm kê, bàn giao tài sản, đất đai, hồ sơ, sổ sách chuyên môn; kiện toàn tổ chức đảng, đoàn thể	Trước 30/9/2026	04 Trung tâm và Trung tâm mới
10	Hoàn thành bố trí cơ cấu, số lượng cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP	Trước 30/9/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo

11	Xây dựng phương án tự chủ tài chính của Trung tâm sau sáp nhập	Trước 15/9/2026	Trung tâm GDNN-GDTX Điện Biên
12	Xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung tâm sau sáp nhập	Trong quý IV/2026	Trung tâm GDNN-GDTX Điện Biên

Ghi chú: Tiến độ trên bảo đảm hoàn thành việc sắp xếp trước ngày 30/8/2026 theo Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ và hoàn thành bố trí cơ cấu, số lượng cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ giáo dục trước ngày 30/9/2026 theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP.

Trong thời gian chưa hoàn thành việc kiện toàn tổ chức, nhân sự, 04 Trung tâm tiếp tục duy trì hoạt động bình thường; Giám đốc các Trung tâm chịu trách nhiệm điều hành đơn vị cho đến khi bàn giao xong cho Trung tâm sau sáp nhập, bảo đảm không gián đoạn việc dạy học và đào tạo nghề ngay từ đầu năm học 2026-2027.

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp

03/04 Trung tâm là đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Trung tâm GDNN-GDTX 2, 3 và 4); riêng Trung tâm GDNN-GDTX 1 tự bảo đảm 13% chi thường xuyên theo Quyết định số 1418/QĐ-SGDĐT ngày 01/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Cả 04 Trung tâm đều không có vốn góp của tổ chức, cá nhân, do đó không phát sinh thủ tục chuyển đổi vốn góp.

Việc chuyển đổi, điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn: thành lập Hội đồng kiểm kê gồm đại diện 04 Trung tâm và đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan quản lý cấp trên), thực hiện kiểm kê toàn bộ tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị; lập biên bản bàn giao có xác nhận của đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản về Trung tâm sau sáp nhập; Trung tâm sau sáp nhập thực hiện ghi tăng tài sản, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Thời gian hoàn thành: trước ngày 30/9/2026.

III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT VIỆC SÁP NHẬP

1. Thẩm quyền quyết định

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, thẩm quyền sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Đây là quy định của pháp luật chuyên ngành, được ưu tiên áp dụng theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP; do đó thẩm quyền quyết định thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, không phải Ủy ban nhân dân tỉnh như quy định chung tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Cơ quan đề nghị sáp nhập là Sở Giáo dục và Đào tạo, chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ theo điểm a khoản 3 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

2. Thành phần hồ sơ

Bảng 2. Thành phần hồ sơ sáp nhập Trung tâm

TT	Thành phần hồ sơ	Căn cứ pháp lý
1	Tờ trình đề nghị sáp nhập Trung tâm (Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP)	Điểm a khoản 2 Điều 26 Phụ lục I NĐ 142/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 19 NĐ 299/2026/NĐ-CP
2	Đề án sáp nhập Trung tâm (Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP), bổ sung đầy đủ nội dung theo Điều 17 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP	Điểm b khoản 2 Điều 26 Phụ lục I NĐ 142/2025/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 19 NĐ 299/2026/NĐ-CP
3	Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sáp nhập (Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP)	Điểm c khoản 1 Điều 19 NĐ 299/2026/NĐ-CP
4	Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm sau sáp nhập	Điểm đ khoản 1 Điều 12 NĐ 299/2026/NĐ-CP (áp dụng theo khoản 2 Điều 19)
5	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan	Điểm d khoản 1 Điều 17 và điểm d khoản 1 Điều 19 NĐ 299/2026/NĐ-CP
6	Ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan	Điểm c khoản 1 Điều 11 NĐ 299/2026/NĐ-CP
7	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan	Điểm g khoản 1 Điều 12 NĐ 299/2026/NĐ-CP
8	Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 12 và điểm c khoản 1 Điều 14 NĐ 299/2026/NĐ-CP

Ghi chú: Hồ sơ được xây dựng theo Điều 19 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP và khoản 2 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. Trung tâm là đơn vị công lập nên không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP về ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư. Ngoài các thành phần nêu trên, hồ sơ kèm theo còn có báo cáo về việc không tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục và tờ trình đề nghị xử lý cơ sở nhà, đất không còn nhu cầu sử dụng tại phường Mường Lay và xã Nà Hỳ.

3. Trình tự và thời hạn giải quyết

a) Lấy ý kiến các cơ quan liên quan: Sở Giáo dục và Đào tạo gửi dự thảo Đề án, Tờ trình và dự thảo Quyết định đến Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan để lấy ý kiến bằng văn bản theo điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ.

b) Thẩm định: Sở Nội vụ là cơ quan thẩm định theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Nội dung thẩm định gồm 07 nhóm theo khoản 2 Điều 14: sự cần thiết và cơ sở pháp lý; mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên gọi, loại hình tổ chức, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ chế tài chính; hồ sơ, thủ tục; điều kiện bảo đảm hoạt động; việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện; tính khả thi; dự thảo Quyết định và dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động. Các nội dung này đã được Đề án thuyết minh đầy đủ tại Phần thứ hai và Phần thứ ba.

c) Trình và quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sáp nhập theo điểm a khoản 3 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. Thời hạn này ngắn hơn thời hạn chung 25 ngày làm việc tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP và được áp dụng theo khoản 3 Điều 16 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP (pháp luật chuyên ngành quy định khác thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành).

d) Công bố: Quyết định sáp nhập được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo điểm d khoản 3 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

IV. CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN VỀ TÀI CHÍNH, ĐẤT ĐAI, CÁC KHOẢN VAY, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN

Thực hiện điểm d khoản 1 Điều 17 và điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, các văn bản xác nhận kèm theo hồ sơ Đề án gồm:

Bảng 3. Danh mục văn bản xác nhận kèm theo hồ sơ Đề án

TT	Văn bản xác nhận	Cơ quan lập, xác nhận	Thời hạn hoàn thành
1	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của 04 Trung tâm đến thời điểm bàn giao	Giám đốc 04 Trung tâm lập; Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, xác nhận	Trước 28/8/2026
2	Biên bản kiểm kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị	Hội đồng kiểm kê gồm đại diện 04 Trung tâm và đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước 28/8/2026
3	Văn bản xác nhận về số dư dự toán, số dư kinh phí, số dư các quỹ và nguồn cải cách tiền lương	Đại diện 04 Trung tâm, Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước	Trước 28/8/2026
4	Văn bản xác nhận về các khoản nợ phải thu, phải trả; xác nhận 04 Trung tâm không có khoản vay	Đại diện 04 Trung tâm, Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước 28/8/2026

TT	Văn bản xác nhận	Cơ quan lập, xác nhận	Thời hạn hoàn thành
5	Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất của 08 cơ sở chuyển giao cho Trung tâm sau sáp nhập và hồ sơ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với 02 cơ sở tại phường Mường Lay, xã Nà Hỳ (trích lục bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, phương án xử lý nhà, đất)	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan	Trước 28/8/2026
6	Văn bản xác nhận về nghĩa vụ thuế (nếu có)	Cơ quan thuế	Trước 28/8/2026
7	Biên bản đối chiếu, xác nhận số người tham gia và số tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm xã hội khu vực	Trước 28/8/2026

Ghi chú: 03/04 Trung tâm là đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Trung tâm GDNN-GDTX 2, 3 và 4); riêng Trung tâm GDNN-GDTX 1 tự bảo đảm 13% chi thường xuyên theo Quyết định số 1418/QĐ-SGDĐT ngày 01/10/2025. Cả 04 Trung tâm đều không có khoản vay; các khoản nợ phải thu, phải trả (nếu có) được đối chiếu, xác nhận và bàn giao đầy đủ cho Trung tâm sau sáp nhập kế thừa.

Phần thứ ba **THÔNG TIN VỀ TRUNG TÂM SAU KHI SÁP NHẬP**

I. LOẠI HÌNH VÀ THÔNG TIN CHUNG

1. Loại hình đơn vị (điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP): Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP), là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Tên Trung tâm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên.

Tên viết tắt: Trung tâm GDNN-GDTX Điện Biên.

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Dien Bien Center for Vocational Education and Continuing Education.

3. Thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Nậm Rôm, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (trên cơ sở trụ sở Trung tâm GDNN-GDTX 1 hiện nay).

Các phân hiệu: Phân hiệu Tuần Giáo tại xã Tuần Giáo; Phân hiệu Na Sang tại xã Na Sang; Phân hiệu Mường Nhé tại xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Các địa điểm thực hành: Địa điểm thực hành Mường Thanh và Địa điểm thực hành Na Son (thuộc trụ sở chính); Địa điểm thực hành Tòa Chùa và Địa điểm thực hành Mường Ảng (thuộc Phân hiệu Tuần Giáo).

5. Số điện thoại: (0215) 3735 531; email: gdnngdtx@dienbien.edu.vn; Trang thông tin điện tử: www.gdnngdtx.dienbien.edu.vn; Fanpage Facebook: fb.com/gdnngdtx.dienbien.

6. Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

7. Họ và tên người dự kiến làm Giám đốc Trung tâm: Ông (Bà); chức vụ hiện nay:
Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định theo thẩm quyền và quy trình về công tác cán bộ sau khi Quyết định sáp nhập có hiệu lực. Danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được lập theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo Đề án này.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của Trung tâm

a) Mục tiêu chung: Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên thành đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, là đầu mối thống nhất tổ chức các hoạt động giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập và thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: duy trì và phát triển quy mô học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt tối thiểu 2.000 học viên/năm; hoàn thành chỉ tiêu đào tạo nghề 28.875 người giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch số 3617/KH-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp; tích lũy đủ điều kiện để thành lập trường trung học nghề theo quy định của pháp luật khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm

a) Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo:

- Chương trình xóa mù chữ.

- Chương trình giáo dục thuộc chương trình đề cập văn bản của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người khuyết tật, đối tượng trong độ tuổi học phổ

thông theo kế hoạch hằng năm của địa phương, người lao động có nhu cầu hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

- Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực: giáo dục pháp luật, văn hóa, xã hội, thể thao, nghệ thuật, môi trường, sức khỏe, kinh tế, tài chính; các chương trình giáo dục kỹ năng; các chương trình chuyển giao công nghệ trong lao động, sản xuất góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp bao gồm: bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kiến thức văn hóa; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác tại vùng dân tộc, miền núi; bồi dưỡng thường xuyên giáo viên; bồi dưỡng giáo viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở về tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các chương trình bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; các chương trình bồi dưỡng khác nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

b) Điều tra nhu cầu học tập, trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên địa bàn, xác định nội dung học tập, đề xuất với sở giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương việc tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng.

c) Phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên khác trên địa bàn để thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục hỗ trợ khác theo nhu cầu của người học, của các nhà trường.

d) Thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp hoặc liên kết đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng; liên kết đào tạo đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định của pháp luật và một số quy định cụ thể sau đây:

- Quyết định mục tiêu, sứ mạng, chiến lược và kế hoạch phát triển của Trung tâm;

- Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển Trung tâm; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thuộc Trung tâm;

- Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu người học theo các quy định về tự chủ tài chính đối với Trung tâm;

- Tuyển sinh và quản lý người học; phát triển chương trình giáo dục; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn tài liệu học tập phù hợp với mục tiêu giáo dục của từng chương trình; quản lý và cấp chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Trung tâm; đảm bảo chất lượng giáo dục của Trung tâm; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định.

e) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

g) Xây dựng, đầu tư, quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục theo yêu cầu của chương trình giáo dục, đào tạo.

h) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức; tổ chức cho nhà giáo cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; tổ chức cho nhà giáo, viên chức và người học tham gia các hoạt động xã hội.

i) Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm.

k) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan có thẩm quyền, người học và xã hội.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG DỰ KIẾN CUNG CẤP

Thực hiện điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP (dẫn chiếu tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này), phạm vi hoạt động và danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Trung tâm sau sáp nhập được xác định như sau:

1. Phạm vi hoạt động

Trung tâm hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh Điện Biên, phục vụ trực tiếp 45/45 xã, phường với diện tích tự nhiên 9.539,27 km² và dân số 668.373 người, thông qua 01 trụ sở chính, 03 phân hiệu và 04 địa điểm thực hành. Đối tượng phục vụ gồm: người học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông; người chưa biết chữ; lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu học nghề; cán bộ, công chức, viên chức và người dân có nhu cầu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng.

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công dự kiến cung cấp

Bảng 4. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công Trung tâm dự kiến cung cấp

T T	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Nhóm dịch vụ (Điều 3 ND 299/2026/NĐ-CP)	Nguồn kinh phí	Quy mô dự kiến
1	Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (Chương trình GDTX cấp THCS)	Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu	Ngân sách nhà nước bảo đảm	16 học viên/01 lớp
2	Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu	Ngân sách nhà nước bảo đảm	1.861 học viên/54 lớp

T T	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Nhóm dịch vụ (Điều 3 ND 299/2026/ND-CP)	Nguồn kinh phí	Quy mô dự kiến
	(Chương trình GDTX cấp THPT)			
3	Xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu	Ngân sách nhà nước bảo đảm	Theo kế hoạch hằng năm
4	Đào tạo trình độ sơ cấp	Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội	Ngân sách nhà nước hỗ trợ và người học chi trả	Trong chỉ tiêu 4.270 người/năm 2026
5	Đào tạo thường xuyên trình độ dưới 03 tháng	Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội	Ngân sách nhà nước hỗ trợ và người học chi trả	Trong chỉ tiêu 4.270 người/năm 2026
6	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia	Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội	Ngân sách nhà nước bảo đảm theo chương trình	28.875 người giai đoạn 2026-2030
7	Bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống, bồi dưỡng thường xuyên	Dịch vụ sự nghiệp công theo nhu cầu xã hội	Người học chi trả	Theo nhu cầu đăng ký
8	Liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng	Dịch vụ sự nghiệp công theo nhu cầu xã hội	Người học chi trả	Theo hợp đồng liên kết
9	Tư vấn, hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở	Dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	Ngân sách nhà nước bảo đảm	Trên địa bàn 45 xã, phường
10	Điều tra nhu cầu học tập; hỗ trợ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	Dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	Ngân sách nhà nước bảo đảm	Trên địa bàn 45 xã, phường

Ghi chú: Các dịch vụ tại mục 1, 2, 3 thuộc nhóm dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị định số 299/2026/ND-CP (giáo dục phổ thông), do Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện. Danh mục cụ thể dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 299/2026/ND-CP; chi tiết tại Phụ lục 08 kèm theo Đề án.

IV. PHÂN LOẠI VÀ XẾP HẠNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Phân loại đơn vị (Điều 7 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)

Bảng 5. Phân loại Trung tâm theo Điều 7 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP

T T	Tiêu chí phân loại	Kết quả phân loại của Trung tâm sau sáp nhập
a	Vị trí pháp lý (khoản 1, 2, 3 Điều 2)	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)
b	Ngành, lĩnh vực cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Giáo dục và đào tạo (bao gồm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp)
c	Tính chất nhiệm vụ	Chủ yếu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội; đồng thời cung cấp một số dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước
d	Mức độ tự chủ tài chính	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP)

Trung tâm cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong cùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phù hợp với khoản 1 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

2. Xếp hạng đơn vị (Điều 8 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)

Việc xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo 04 nhóm tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP: quy mô tổ chức và khối lượng công việc; cơ cấu, trình độ lao động và độ phức tạp quản lý; hạ tầng cơ sở vật chất, mức độ hiện đại hóa và mức độ số hóa; hiệu quả hoạt động và hiệu quả quản lý tài chính, mức độ tự chủ tài chính. Thời hạn xếp hạng là 05 năm kể từ ngày có quyết định xếp hạng.

Tại thời điểm xây dựng Đề án, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành tiêu chí cụ thể và hướng dẫn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo khoản 3 Điều 8 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị định này, Trung tâm sau sáp nhập tiếp tục thực hiện theo hạng hiện đang áp dụng cho đến khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại, xếp hạng Trung tâm theo điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

V. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục

Trung tâm thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chương trình xóa mù chữ; các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng theo danh mục nghề đã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống và chương trình liên kết đào tạo.

2. Các nội dung tích hợp

Tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông trong Chương trình giáo dục thường xuyên; tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục bảo vệ môi trường, chuyển đổi số và bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của tỉnh.

3. Kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện chương trình

Năm học 2026-2027: giữ ổn định 55 lớp với 1.877 học viên tại trụ sở chính, 03 phân hiệu và các địa điểm thực hành; thống nhất kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình, kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá trong toàn Trung tâm; triển khai đào tạo nghề theo chỉ tiêu 4.270 người được giao năm 2026. Từ năm học 2027-2028: rà soát, mở rộng quy mô tuyển sinh, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Tài liệu giảng dạy và học tập

Sử dụng sách giáo khoa, tài liệu dạy học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn; giáo trình, tài liệu đào tạo nghề do Trung tâm biên soạn, thẩm định theo quy định; tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên; học liệu số dùng chung trong toàn Trung tâm giữa trụ sở chính và các phân hiệu.

VI. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Đất đai

Trung tâm kế thừa nguyên trạng toàn bộ diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc của 04 Trung tâm tại 10 cơ sở hiện có. Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất được bàn giao đầy đủ và thực hiện thủ tục điều chỉnh tên người sử dụng đất sang Trung tâm sau sáp nhập theo quy định của pháp luật về đất đai. Diện tích cụ thể của từng cơ sở được xác định theo hồ sơ địa chính và biên bản kiểm kê tại thời điểm bàn giao.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Bảng 6. Cơ sở vật chất hiện có của 04 Trung tâm theo trụ sở chính và các phân hiệu

TT	Loại phòng, công trình	Trụ sở chính	Phân hiệu Tuần Giáo	Phân hiệu Na Sang	Phân hiệu Mường Nhé	Tổng số
1	Phòng học (100% kiên cố)	21	21	14	10	66
2	Thư viện	02	03	01	01	07
3	Phòng máy tính	03	03	02	01	09
4	Phòng thí nghiệm	0	0	0	01	01
5	Phòng học khác	03	01	0	0	04

Ghi chú: Số liệu theo Phụ lục 01 kèm theo Đề án; "Trụ sở chính", "Phân hiệu Tuần Giáo", "Phân hiệu Na Sang", "Phân hiệu Mường Nhé" tương ứng với Trung tâm GDNN-GDTX 1, 2, 3, 4 hiện nay, bao gồm cả các địa điểm thực hành trực thuộc. Số liệu tại bảng là hiện trạng tại 10 cơ sở; sau khi bàn giao 02 cơ sở tại phường Mường Lay (06 phòng học, 01 phòng máy tính) và xã Nà Hỳ (04 phòng học), Trung tâm sau sáp nhập còn 56 phòng học kiên cố, 07 thư viện, 08 phòng máy tính, 01 phòng thí nghiệm và 04 phòng học khác tại 08 cơ sở.

Toàn bộ 56 phòng học tại 08 cơ sở của Trung tâm sau sáp nhập đều là phòng kiên cố, đáp ứng yêu cầu tổ chức 55 lớp giáo dục thường xuyên và các lớp đào tạo nghề. Trang thiết bị dạy học, thiết bị đào tạo nghề của 04 Trung tâm được điều chuyển, sử dụng chung trong toàn Trung tâm; ưu tiên điều chuyển thiết bị từ nơi sử dụng chưa hiệu quả về nơi có nhu cầu.

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác

Trung tâm xây dựng kho học liệu số dùng chung; trang bị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền internet và thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến giữa trụ sở chính và các phân hiệu, bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học liên phân hiệu đối với các môn học thiếu giáo viên.

4. Các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy

Các cơ sở của Trung tâm tiếp tục thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Trung tâm sau sáp nhập rà soát, kiện toàn lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở, cập nhật hồ sơ quản lý theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách

Trung tâm quản lý thống nhất hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm: sổ đăng bộ, học bạ, sổ theo dõi và đánh giá học viên, sổ ghi đầu bài, hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ đào tạo nghề, hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ tài chính, tài sản, hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đẩy mạnh sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

VII. TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Cơ cấu tổ chức

a) Ban Giám đốc: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc, trong đó 01 Phó Giám đốc tại trụ sở chính và 01 Phó Giám đốc phụ trách mỗi phân hiệu, theo điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP.

b) Các tổ chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở chính (04 tổ): Tổ Hành chính - Tổng hợp; Tổ Giáo dục thường xuyên; Tổ Giáo dục nghề nghiệp; Tổ Đào tạo, Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế.

c) Tại mỗi phân hiệu không thành lập tổ chuyên môn độc lập; bố trí các tổ phó tương ứng với các tổ chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở chính để tổ chức sinh hoạt chuyên môn và điều hành hoạt động dạy học tại phân hiệu. Riêng Phân hiệu Tuần

Giáo có phạm vi hoạt động rộng, phụ trách địa bàn 13 xã, quản lý 02 địa điểm thực hành cách trụ sở phân hiệu trên 45 km (Mường Ảng) và trên 50 km (Tủa Chùa); Giám đốc Trung tâm phân công tổ phó phụ trách, theo dõi và phối hợp tổ chức hoạt động chuyên môn tại từng địa điểm thực hành, bảo đảm việc quản lý, điều hành và duy trì hoạt động chuyên môn được thường xuyên, liên tục, phù hợp với khoảng cách địa lý, điều kiện giao thông và đặc điểm địa bàn.

d) Các địa điểm thực hành trực thuộc trụ sở chính và các phân hiệu, không phải là đầu mối tổ chức độc lập, không phải là đơn vị thuộc cơ sở giáo dục như phân hiệu; không có tổ chức bộ máy, con dấu, tài khoản và nhân sự lãnh đạo riêng.

Số đầu mối bên trong của Trung tâm sau sáp nhập là 04 tổ chuyên môn, giảm 08 đầu mối so với 12 tổ chuyên môn, nghiệp vụ hiện nay của 04 Trung tâm, tương ứng tỷ lệ giảm 66,7%. Mỗi tổ đều có từ 02 mảng công tác trở lên và từ 07 người làm việc trở lên, đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Số cấp phó của tổ trưởng bố trí theo điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP: tổ có từ 07 đến 09 người bố trí 01 cấp phó; từ 10 người trở lên bố trí không quá 02 cấp phó. Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo Đề án này.

Để phù hợp với tổ chức hoạt động tại phân hiệu và địa điểm thực hành, nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học, mỗi phân hiệu bố trí thêm các tổ phó tương ứng với các tổ chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở chính. Giám đốc Trung tâm căn cứ theo đặc thù và điều kiện thực tế quyết định số lượng các tổ phó cho mỗi phân hiệu trực thuộc.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Bảng 7. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trung tâm sau sáp nhập

TT	Đơn vị	Địa điểm	Số người làm việc	Cấp trưởng	Cấp phó	Số đầu mối bên trong
1	Trụ sở chính	phường Điện Biên Phủ	73	01	01	04
2	Phân hiệu Tuần Giáo	xã Tuần Giáo	42	-	01	-
3	Phân hiệu Na Sang	xã Na Sang	21	-	01	-
4	Phân hiệu Mường Nhé	xã Mường Nhé	22	-	01	-
	TỔNG CỘNG		158	01	04	04

Ghi chú: Cột "Cấp trưởng" là Giám đốc Trung tâm; cột "Cấp phó" là Phó Giám đốc Trung tâm. Số người làm việc thống kê theo cơ cấu chuyên môn, gồm 144 viên chức hiện có mặt và 14 lao động hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP.

Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 cho 04 Trung tâm là 161 người; số viên chức hiện có mặt là 144 người (Trung tâm GDNN-GDTX 1: 68 người; Trung tâm GDNN-GDTX 2: 38 người; Trung tâm GDNN-GDTX 3: 19 người; Trung tâm GDNN-GDTX 4: 19 người); ngoài ra có 14 lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ, không tính vào số lượng người làm việc. Tổng số người hiện có mặt của 04 Trung tâm là 158 người. Số lượng người làm việc giao cho Trung tâm sau sáp nhập là 144 người, bằng số lượng người làm việc hiện có mặt của 04 Trung tâm trước sắp xếp, giảm 17 người so với số đang được giao, bảo đảm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ. Theo cơ cấu chuyên môn, 158 người hiện có mặt gồm: 05 cán bộ quản lý (01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc), 17 cán bộ quản lý thôi giữ chức vụ được bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp, 70 giáo viên dạy Chương trình giáo dục thường xuyên, 30 giáo viên giáo dục nghề nghiệp và 36 nhân viên, người lao động (gồm 22 viên chức và 14 lao động hợp đồng). Việc sáp nhập không làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

(Kèm theo Đề án này có danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; chi tiết cơ cấu đội ngũ tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Đề án).

3. Vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo vị trí việc làm

Thực hiện điểm g khoản 2 Điều 9 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, cơ cấu vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm của Trung tâm sau sáp nhập được dự kiến như sau:

Bảng 8. Vị trí việc làm và số lượng người làm việc dự kiến

TT	Vị trí việc làm	Nhóm vị trí việc làm	Số người	Ghi chú
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		5	
1	Giám đốc Trung tâm	Lãnh đạo, quản lý	1	01 người theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP
2	Phó Giám đốc Trung tâm	Lãnh đạo, quản lý	4	01 tại trụ sở chính, 01 tại mỗi phân hiệu theo điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		117	
1	Giáo viên giáo dục thường xuyên (cấp THCS, cấp THPT)	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	87	Gồm 70 giáo viên hiện có và 17 cán bộ quản lý thôi giữ chức vụ được bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo theo điểm

TT	Vị trí việc làm	Nhóm vị trí việc làm	Số người	Ghi chú
				a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP; kiêm nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn
2	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	30	30 viên chức; chia theo nhóm nghề nông - lâm - thủy sản và công nghiệp, xây dựng
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung		9	
1	Kế toán	Chuyên môn dùng chung	2	Bổ trí 02 người dùng chung cho trụ sở chính, các phân hiệu và địa điểm thực hành theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, do quy mô lớn hơn 40 lớp và có lưu học sinh Lào ở nội trú.
2	Văn thư - lưu trữ	Chuyên môn dùng chung	1	Bổ trí dùng chung
3	Thủ quỹ	Chuyên môn dùng chung	1	Bổ trí dùng chung
4	Tổ chức cán bộ	Chuyên môn dùng chung	1	Bổ trí tại trụ sở chính
5	Công nghệ thông tin (quản trị công sở)	Chuyên môn dùng chung	4	Bổ trí riêng cho trụ sở chính và mỗi phân hiệu theo điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP
IV	Vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục		13	
1	Giáo vụ	Hỗ trợ giáo dục	4	Bổ trí riêng cho trụ sở chính và mỗi phân hiệu
2	Thư viện	Hỗ trợ giáo dục	2	Bổ trí kiêm nhiệm theo điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP
3	Thiết bị, thí nghiệm	Hỗ trợ giáo dục	2	Bổ trí kiêm nhiệm
4	Tư vấn học sinh, hướng nghiệp	Hỗ trợ giáo dục	2	Bổ trí kiêm nhiệm
5	Y tế trường học	Hỗ trợ giáo dục	2	Chỉ bổ trí người đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo,

TT	Vị trí việc làm	Nhóm vị trí việc làm	Số người	Ghi chú
				bồi dưỡng theo điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Hỗ trợ giáo dục	1	Phục vụ 12 học viên khuyết tật đang theo học
V	Lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ (theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP; không tính vào số lượng người làm việc)		14	
1	Bảo vệ, phục vụ, lái xe và công việc hỗ trợ khác	Hỗ trợ, phục vụ	14	Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP; không tính vào số lượng người làm việc

Cơ cấu vị trí việc làm nêu trên được xây dựng theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP. Trong đó: các vị trí văn thư - lưu trữ, thủ quỹ được bố trí dùng chung cho toàn Trung tâm, mỗi vị trí 01 người theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP; vị trí kế toán bố trí 02 người do khối lượng công tác kế toán, thanh quyết toán từ nhiều nguồn kinh phí và nhiệm vụ tiếp nhận, đào tạo lưu học sinh Lào ở nội trú vượt quá khả năng đảm nhiệm của 01 người; các vị trí công nghệ thông tin và giáo vụ được bố trí riêng cho trụ sở chính và mỗi phân hiệu theo điểm b khoản 1 Điều 5; các vị trí thư viện, thiết bị - thí nghiệm, tư vấn học sinh, y tế trường học, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được bố trí theo hướng một người đảm nhận một hoặc nhiều vị trí việc làm phù hợp với năng lực, chuyên môn và yêu cầu nhiệm vụ theo điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, bảo đảm không vượt quá số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao. Tổng số người làm việc theo các mục I, II, III và IV của Bảng 8 là 144 người, bằng đúng số lượng người làm việc giao cho Trung tâm sau sáp nhập; 14 lao động hợp đồng tại mục V thực hiện theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP, không tính vào số lượng người làm việc. Trường hợp phát sinh chênh lệch giữa số nhân viên hiện có và số vị trí việc làm tại mục III, mục IV thì bố trí kiêm nhiệm hoặc chuyển sang vị trí việc làm khác còn thiếu, không làm tăng số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Đề án vị trí việc làm chính thức của Trung tâm được Giám đốc Trung tâm xây dựng, trình Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định và cấp có thẩm quyền phê duyệt trong

quý IV/2026; số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm sẽ được chuẩn hóa tại Đề án vị trí việc làm này. Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo Đề án.

4. Kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc

Trung tâm được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước theo dự toán được giao hằng năm, kế thừa nguyên trạng dự toán của 04 Trung tâm; trụ sở làm việc là trụ sở chính tại phường Điện Biên Phủ và 03 phân hiệu; trang thiết bị, phương tiện làm việc gồm toàn bộ tài sản, thiết bị dạy học, thiết bị đào tạo nghề, phương tiện làm việc hiện có của 04 Trung tâm được điều chuyển nguyên trạng. Các điều kiện này đáp ứng yêu cầu tại điểm g khoản 2 Điều 9 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP về bảo đảm phù hợp giữa vị trí việc làm với kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết.

5. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học

Bảng 9. Dự kiến quy mô tuyển sinh giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung	2026 (năm học 2026- 2027)	2027 (năm học 2027- 2028)	2028 (năm học 2028- 2029)	2029 (năm học 2029- 2030)	2030 (năm học 2030- 2031)
1	Học viên Chương trình GDTX cấp THCS, THPT (học viên)	1.877	1.950	2.000	2.050	2.100
2	Tuyển mới lớp 10 (học viên)	800	830	850	870	900
3	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (người)	4.270	6.122	6.122	6.162	6.199

Đối tượng tuyển sinh: người đã hoàn thành chương trình tiểu học, trung học cơ sở có nhu cầu học Chương trình giáo dục thường xuyên; người trong độ tuổi lao động, lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu học nghề trên địa bàn 45 xã, phường của tỉnh.

VIII. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư và nguồn kinh phí

Trung tâm không phát sinh vốn đầu tư mới để thực hiện việc sáp nhập; toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị hiện có được kế thừa và tiếp tục sử dụng. Kinh phí phát sinh trực tiếp cho công tác sáp nhập gồm: khắc con dấu mới, thay đổi biển hiệu, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu, cập nhật phần mềm quản lý - dự kiến khoảng 200 triệu đồng, bố trí trong dự toán chi thường xuyên năm 2026 đã giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo, không đề nghị bổ sung ngân sách.

Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của Trung tâm gồm: ngân sách nhà nước cấp theo dự toán hằng năm; kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc

gia và Kế hoạch số 3617/KH-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nguồn thu học phí, lệ phí theo quy định; nguồn thu từ hoạt động liên kết đào tạo, bồi dưỡng, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác. Dự toán kinh phí đào tạo nghề năm 2026 được bàn giao, kế thừa nguyên trạng toàn bộ 5.564,065 triệu đồng (bao gồm cả số đã chi và phần dự toán còn lại), trong đó số chưa giải ngân 3.269,262 triệu đồng chuyển sang Trung tâm sau sáp nhập tiếp tục thực hiện.

2. Cơ chế tài chính và mức độ tự chủ tài chính

Trung tâm sau sáp nhập là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Hiện nay 03/04 Trung tâm là đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; riêng Trung tâm GDNN-GDTX 1 tự bảo đảm 13% chi thường xuyên theo Quyết định số 1418/QĐ-SGDDT ngày 01/10/2025 nên không phát sinh vướng mắc khi xác định mức độ tự chủ của đơn vị sau sáp nhập; theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sau sáp nhập được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tổ chức lại đơn vị. Đề án đề xuất Trung tâm sau sáp nhập là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và xây dựng đề án tự chủ theo khoản 6 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong quý IV/2026. Cơ chế tự chủ tài chính thực hiện theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Cơ chế hoạt động và đề án tự chủ

Trung tâm hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; thực hiện chế độ công khai, trách nhiệm giải trình theo Điều 27 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP; bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Về đề án tự chủ: thực hiện khoản 6 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, Giám đốc Trung tâm xây dựng đề án tự chủ của đơn vị với các nội dung: mục tiêu, định hướng phát triển; tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và phương án tự chủ tài chính; lộ trình nâng cao tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong giai đoạn 5 năm 2026-2030. Trình tự phê duyệt: Giám đốc Trung tâm gửi lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực nội vụ, tư pháp, tài chính và cơ quan liên quan; gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính thẩm định; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Thời hạn hoàn thành: quý IV/2026.

Định hướng nâng cao mức độ tự chủ: phấn đấu nâng dần tỷ lệ tự bảo đảm chi thường xuyên thông qua mở rộng hoạt động liên kết đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc, kỹ năng sống theo nhu cầu xã hội; hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo và cung ứng lao động; tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với thực hành nghề theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế quản lý thu, chi học phí

Mức thu học phí thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên và quy định hiện hành về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện đầy đủ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học viên thuộc diện chính sách. Việc quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ do Giám đốc Trung tâm ban hành sau khi lấy ý kiến rộng rãi trong đơn vị, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và kế toán.

IX. BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC LẠI

Bảng 10. Giải trình việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện tổ chức lại

T T	Điều kiện, tiêu chí theo quy định	Kết quả đáp ứng
1	Thuộc trường hợp phải tổ chức lại: không đáp ứng đủ điều kiện thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 5 (điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Trung tâm GDNN-GDTX 3 và Trung tâm GDNN-GDTX 4 mỗi Trung tâm chỉ tổ chức được 02 tổ chuyên môn, không đủ điều kiện thành lập tổ Hành chính - Tổng hợp và tổ Đào tạo, Bồi dưỡng theo điểm c khoản 1 Điều 6 (mỗi tổ phải có từ 02 mảng công tác và từ 07 người làm việc trở lên); số lượng cấp phó của 04 Trung tâm bình quân 4,5 người/Trung tâm, vượt quy định tại khoản 2 Điều 6
2	Điều chỉnh tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với phương án phát triển mạng lưới; nâng cao hiệu quả hoạt động (điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Phù hợp với Phương án sắp xếp tổng thể cơ sở giáo dục của tỉnh đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương tại Thông báo số 574-TB/TU ngày 17/8/2026
3	Số lượng người làm việc tối thiểu được giao là 15 người (điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Số lượng người làm việc giao cho Trung tâm sau sáp nhập là 144 người, vượt xa mức tối thiểu 15 người
4	Không làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Số lượng người làm việc giao cho Trung tâm sau sáp nhập là 144 người, giảm 17 người so với 161 người đang được giao cho 04 Trung tâm; không đề nghị bổ sung biên chế
5	Tiêu chí về phòng thuộc đơn vị: từ 02 mảng công tác trở lên và từ 07 người làm việc trở lên (điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. 04/04 tổ chuyên môn đều có từ 02 mảng công tác và từ 11 người làm việc trở lên

T T	Điều kiện, tiêu chí theo quy định	Kết quả đáp ứng
6	Số lượng cấp phó của người đứng đầu (điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP)	Đáp ứng. Bố trí 01 Phó Giám đốc tại trụ sở chính và 01 Phó Giám đốc tại mỗi phân hiệu, tổng số 04 Phó Giám đốc
7	Điều kiện hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX theo Điều 32 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	Đáp ứng. Trung tâm kế thừa nguyên trạng cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ và chương trình đào tạo của 04 Trung tâm đang hoạt động hợp pháp
8	Số lượng cấp phó của trưởng phòng, tổ trưởng: từ 07 đến 09 người bố trí 01 cấp phó; từ 10 người trở lên bố trí không quá 02 cấp phó (điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. 04 tổ chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở chính đều có từ 11 người làm việc trở lên nên bố trí mỗi tổ 01 tổ trưởng và không quá 02 tổ phó theo điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Mỗi phân hiệu có các tổ phó tương ứng với các tổ chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở chính. Giám đốc Trung tâm căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT và điều kiện thực tế quyết định số lượng tổ phó cho mỗi phân hiệu trực thuộc.
9	Nguyên tắc một đơn vị có thể cung cấp nhiều dịch vụ sự nghiệp công trong cùng ngành, lĩnh vực (khoản 1 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Trung tâm cung cấp 10 dịch vụ sự nghiệp công trong cùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo (giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp)
10	Mức độ tự chủ tài chính khi sáp nhập các đơn vị tự chủ ở các mức độ khác nhau (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Không phát sinh vướng mắc. Hiện nay 03/04 Trung tâm là đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; riêng Trung tâm GDNN-GDTX 1 tự bảo đảm 13% chi thường xuyên theo Quyết định số 1418/QĐ-SGDĐT ngày 01/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Trung tâm sau sáp nhập là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và xây dựng đề án tự chủ theo khoản 6 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong quý IV/2026.
11	Nội dung đề án tổ chức lại (Điều 17 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, dẫn chiếu khoản 2 Điều 9)	Đáp ứng. Đề án được xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 142/2025/NĐ-CP và bổ sung đầy đủ các nội dung theo Điều 17: danh mục dịch vụ sự nghiệp công, loại hình và phân loại đơn vị, quyền hạn, vị trí việc làm, cơ chế

T T	Điều kiện, tiêu chí theo quy định	Kết quả đáp ứng
		tài chính và mức độ tự chủ, văn bản xác nhận về tài chính, đất đai, trách nhiệm của người đứng đầu và thời hạn xử lý
12	Thẩm quyền và trình tự, thủ tục (Điều 13 và Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 19 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP)	Đáp ứng. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ, lấy ý kiến Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ

Số lượng 04 Phó Giám đốc của Trung tâm sau sáp nhập được xác định theo quy định đặc thù tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP, không thuộc trường hợp cấp phó đôi dư phải giảm dần theo lộ trình 05 năm quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP; Trung tâm bố trí đủ 04 Phó Giám đốc ngay từ thời điểm thành lập.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Kế hoạch, tiến độ thực hiện Đề án được xác định tại Bảng 1 mục II.3 Phần thứ hai của Đề án này, với ba mốc thời gian bắt buộc: hoàn thành việc lập, thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định sáp nhập trước ngày 30/8/2026; hoàn thành kiện toàn tổ chức, nhân sự, bàn giao tài chính, tài sản trước ngày 30/9/2026; hoàn thành bàn giao tài chính trước ngày 10/9/2026 và phương án tự chủ tài chính trước ngày 15/9/2026; hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm trong quý IV/2026.

Sau khi Quyết định sáp nhập được ban hành, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch chi tiết triển khai Đề án, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm; thành lập Tổ công tác giúp việc để đôn đốc, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hoàn thiện hồ sơ sáp nhập trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. Công bố công khai Quyết định sáp nhập trên các phương tiện thông tin đại chúng. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm sau sáp nhập theo thẩm quyền. Thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc; bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chỉ đạo, hướng dẫn công tác bàn giao

hồ sơ, học viên, tài chính, tài sản. Chỉ đạo Trung tâm xây dựng Đề án vị trí việc làm và phương án tự chủ tài chính. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án.

2. Sở Nội vụ

Thẩm định hồ sơ sáp nhập theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục chịu tác động của việc sáp nhập theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao 144 người làm việc cho Trung tâm sau sáp nhập theo thẩm quyền, bằng số lượng người làm việc hiện có mặt của 04 Trung tâm trước sáp nhập.

3. Sở Tài chính

Tham mưu phương án xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí. Thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ chịu tác động của việc sáp nhập. Việc xử lý tài chính, tài sản khi sáp nhập thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 5088/STC-QLNS ngày 22/7/2026 và Công văn số 6179/STC-QLG&CS ngày 25/8/2026.

4. Sở Tư pháp

Tham gia ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Quyết định sáp nhập với hệ thống pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trụ sở chính, phân hiệu và địa điểm thực hành

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm trong công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người học và nhân dân trên địa bàn. Phối hợp thực hiện thủ tục về đất đai, tài sản; hỗ trợ Trung tâm tổ chức các lớp đào tạo nghề, điều tra nhu cầu học tập và triển khai hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn.

6. Trách nhiệm của Giám đốc 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Giám đốc 04 Trung tâm chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và trước pháp luật về: tính chính xác, đầy đủ, trung thực của số liệu báo cáo phục vụ xây dựng Đề án; việc duy trì hoạt động bình thường, liên tục của đơn vị cho đến khi hoàn thành bàn giao; việc quản lý, bảo toàn tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và bàn giao nguyên trạng, đầy đủ cho Trung tâm sau sáp nhập; việc chi trả đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho người lao động và người học trước thời điểm bàn giao; việc phổ biến, quán triệt chủ trương sáp nhập, nắm bắt tư tưởng và giải quyết kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thời hạn hoàn thành trách nhiệm bàn giao: trước ngày 30/9/2026.

7. Trách nhiệm của Giám đốc Trung tâm sau sáp nhập

Tiếp nhận nguyên trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và người học của 04 Trung tâm; kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Trung tâm cũ. Xây dựng, trình phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động, Đề án vị trí việc làm, phương án tự chủ tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ. Bố trí, phân công nhiệm vụ cho đội ngũ bảo đảm phù hợp năng lực, chuyên môn; tổ chức hoạt động dạy học, đào tạo nghề ổn định ngay từ đầu năm học 2026-2027; thực hiện công khai, trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

III. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Trung tâm có trách nhiệm cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của đơn vị cho Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện công khai theo quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức của Trung tâm; Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ tổng hợp, gửi báo cáo số liệu về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 11 hằng năm theo điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án; sơ kết sau 06 tháng và tổng kết sau 01 năm kể từ ngày Quyết định sáp nhập có hiệu lực, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần điều chỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; đối với nội dung vượt thẩm quyền thì báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ để được hướng dẫn theo điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP.

Phần thứ năm HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế

a) Tinh gọn tổ chức bộ máy: giảm 03 đơn vị sự nghiệp công lập (từ 04 xuống 01, tỷ lệ giảm 75%); giảm 08 đầu mối bên trong (từ 12 xuống 04, tỷ lệ giảm 66,7%); giảm 03 bộ phận hành chính - kế toán độc lập, 03 con dấu và 03 tài khoản riêng. Việc này góp phần thực hiện mục tiêu giảm tối thiểu 30% đầu mối cơ sở giáo dục công lập theo Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giảm chi phí quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng biên chế: giảm 17 vị trí lãnh đạo, quản lý (03 Giám đốc và 14 Phó Giám đốc), tương ứng giảm chi phụ cấp chức vụ lãnh đạo; số nhân sự này được chuyển sang làm công tác chuyên môn, trực

tiếp giảng dạy hoặc vị trí việc làm khác, qua đó tăng nguồn lực trực tiếp phục vụ người học mà không làm tăng biên chế.

c) Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và cơ sở vật chất: việc thống nhất một đầu mối dự toán cho phép điều tiết linh hoạt chỉ tiêu và kinh phí đào tạo nghề giữa các địa bàn, khắc phục tình trạng nơi giải ngân chậm (26,3%) trong khi nơi khác đã giải ngân cao (72,0%); tài sản, thiết bị dạy học được dùng chung, điều chuyển từ nơi sử dụng chưa hiệu quả đến nơi có nhu cầu, giảm nhu cầu mua sắm mới.

d) Không phát sinh chi phí đầu tư lớn: việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở kế thừa nguyên trạng cơ sở vật chất, đất đai, thiết bị; chi phí trực tiếp phục vụ sáp nhập khoảng 200 triệu đồng, bố trí trong dự toán đã giao.

2. Về xã hội, môi trường

a) Bảo đảm ổn định và quyền lợi của người học: 1.807 học viên giáo dục thường xuyên tiếp tục học tập tại địa điểm hiện nay; 70 học viên tại 02 cơ sở không tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục được bố trí học tại phân hiệu, bảo đảm chỗ ở nội trú và điều kiện đi lại; 1.457 người học nghề tiếp tục học tại địa bàn cư trú; mạng lưới 08 cơ sở vẫn phủ kín 45/45 xã, phường, bảo đảm cơ hội học tập cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

b) Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục: việc điều tiết đội ngũ trong toàn Trung tâm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ theo môn học tại các phân hiệu; học liệu, chương trình, kế hoạch dạy học và công tác kiểm tra, đánh giá được thống nhất, tạo mặt bằng chất lượng đồng đều giữa trụ sở chính và các phân hiệu.

c) Góp phần thực hiện mục tiêu phân luồng, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng xã hội học tập: Trung tâm là đầu mối triển khai chỉ tiêu đào tạo nghề 28.875 người giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch số 3617/KH-UBND, gắn đào tạo nghề với giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Bảo đảm ổn định tư tưởng đội ngũ: toàn bộ 158 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động được bố trí việc làm; không giảm giáo viên trực tiếp giảng dạy; chế độ, chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

đ) Về môi trường: việc sáp nhập không làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất, không phát sinh hoạt động xây dựng mới nên không có tác động tiêu cực đến môi trường; việc dùng chung cơ sở vật chất, thiết bị và đẩy mạnh sử dụng hồ sơ, học liệu số góp phần tiết kiệm tài nguyên.

3. Tính bền vững của Đề án

a) Bền vững về pháp lý: Đề án được xây dựng trên cơ sở chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật đang có hiệu lực thi hành (Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP), đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

b) Bền vững về tổ chức: mô hình trụ sở chính - phân hiệu phù hợp với đặc điểm địa hình chia cắt, địa bàn rộng của tỉnh; cơ cấu 04 đầu mối bên trong với quy

mô từ 11 người trở lên bảo đảm tiêu chí ổn định lâu dài theo Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, không phải điều chỉnh trong trung hạn.

c) Bền vững về nguồn lực: Trung tâm kế thừa nguyên trạng biên chế, cơ sở vật chất và nguồn kinh phí; có lộ trình nâng dần mức độ tự chủ tài chính thông qua liên kết đào tạo, bồi dưỡng và dịch vụ, giảm dần áp lực đối với ngân sách nhà nước.

d) Tạo tiền đề phát triển: quy mô của Trung tâm sau sáp nhập là cơ sở để tích lũy đủ điều kiện thành lập trường trung học nghề theo định hướng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị, đề xuất

Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, quyết định sáp nhập 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Điện Biên theo nội dung Đề án này; giao Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc, Sở Tài chính bố trí kinh phí và hướng dẫn xử lý tài chính, tài sản để bảo đảm điều kiện thực hiện Đề án./.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Tuyết Ban